|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2019/TT-BLĐTBXH**Dự thảo lần 2** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 02 Thông tư liên quan đến**

**việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia**

*Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của 02 Thông tư liên quan đến việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:
2. Thay cụm từ “đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ” bằng cụm từ “đề nghị cấp chứng chỉ” tại tên Điều, tên khoản 1, điểm a khoản 1 và điểm b khoản 1;
3. Bãi bỏ khoản 2.
4. Tại khoản 2 Điều 7, bỏ cụm từ “và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu”.
5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:
6. Thay cụm từ “cải chính hộ tịch” bằng cụm từ “cải chính thông tin cá nhân” tại khổ đầu tiên;
7. Thay cụm từ “Mẫu 02, Phụ lục 05” bằng cụm từ “Mẫu 03, Phụ lục 04” tại khoản 1;
8. Bỏ cụm từ “và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu” tại khoản 2;
9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“Đối với trường hợp có sự thay đổi về thông tin cá nhân phải gửi kèm bản sao chứng thực các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi, cải chính đó”.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“1. Thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:

a) Đối với việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động đạt yêu cầu tại kỳ đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này và bản điện tử danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người đạt yêu cầu.

b) Đối với việc cấp đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, người có nhu cầu lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Thông tư này và bản điện tử ảnh màu cỡ 3 x 4 cm của mình.

2. Hình thức nộp:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp đăng ký qua cổng dịch vụ công trực tuyến thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

- Bản điện tử được gửi vào hòm thư điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và bản điện tử, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, quyết định cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

1. Bổ sung Điều 9a như sau:

“**Điều 9a. Công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người đạt huy chương tại hội thi tay nghề thế giới, hội thi tay nghề ASEAN hoặc đạt giải nhất, nhì, ba tại hội thi tay nghề quốc gia**

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các đối tượng được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ theo đề nghị của Ban tổ chức thi tay nghề được lập theo mẫu 01 Phụ lục 04 của Thông tư này.

6. Tại khoản 2 Điều 10, thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”.

7. Tại khoản 1 Điều 12, thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ về danh sách những người đã được cấp, cấp đổi, cấp lại hoặc bị hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan về danh sách những người đã được cấp, cấp đổi, cấp lại hoặc bị hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, bao gồm thông tin về họ và tên, ảnh 03 x 04 cm, số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu, bậc trình độ, tên nghề ghi trên chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và tên tổ chức đã thực hiện đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.”

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

 a) Tại khoản 1, thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

 b) Tại khoản 2, thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp và công bố” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổng hợp và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:
2. Tên Điều được sửa đổi như sau: “**Trách nhiệm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp**”;
3. Tại khoản 4, thay cụm từ “xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu về cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trên phạm vi toàn quốc” bằng cụm từ “xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu trực tuyến về cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trên phạm vi toàn quốc”.

10. Tại khoản 1 Điều 17, thay cụm từ “Tổng cục Dạy nghề” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”.

11. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 03 như sau:

a) Thay cụm từ “đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ” bằng cụm từ “đề nghị cấp chứng chỉ” tại tên Phụ lục, mẫu 01, mẫu 02;

b) Thay cụm từ “Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số” bằng cụm từ “Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu” tại mẫu 02.

12. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 04 như sau:

a) Tại mẫu 02, mẫu 03, bổ sung ô hình chữ nhật để dán ảnh 03 x 04 cm của người đề nghị cấp đổi/cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tại góc trên bên phải tờ khai;

b) Thay cụm từ “Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số” bằng cụm từ “Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu” tại mẫu 01, mẫu 02, mẫu 03;

c) Thay cụm từ “hộ tịch” bằng cụm từ “thông tin cá nhân” tại mẫu 03.

**Điều 2. Bãi bỏ Điều 5 của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.**

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (gọi tắt là giấy chứng nhận) có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia (gọi tắt là thẻ đánh giá viên) có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Tại tên khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP được lập theo mẫu gồm có:”;

1. Tại điểm c khoản 1, bổ sung cụm từ “và khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP” vào sau cụm từ “Khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP”;

c) Tại tên khoản 2 thay cụm từ “quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP” bằng cụm từ “quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP”;

d) Tại điểm b khoản 2, bỏ cụm từ “quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a) Tại khoản 1, thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

b) Tại khoản 2, thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, xây dựng” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổng hợp, xây dựng và trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Tại điểm đ khoản 1, thay cụm từ “đảm bảo theo danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành” bằng cụm từ “theo tài liệu hướng dẫn do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cung cấp”;

b) Thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 và tên Khoản 3.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại tên khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 2, điểm e Khoản 3;

b) Tại khoản 1, bổ sung cụm từ “và khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP” vào sau cụm từ “Khoản 4 Điều 20 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP”;

c) Tại điểm a Khoản 3, bỏ cụm từ “và danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành”;

d) Tại điểm a khoản 2, thay cụm từ “Chậm nhất sau 02 (hai) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia” bằng cụm từ “Chậm nhất 02 (hai) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia”.

đ) Tại điểm c khoản 3, thay cụm từ “điểm c Điều 10” bằng cụm từ “điểm c khoản 1 Điều 10”.

7. Thay cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 1 Điều 18, khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 19, điểm b khoản 3 Điều 19, điểm b khoản 2 Điều 22, tên Điều 24.

8. Tại điểm b khoản 1 Điều 13, thay cụm từ “kèm theo chứng minh nhân dân để ban giám khảo kiểm tra” bằng cụm từ "kèm theo căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu để ban giám khảo kiểm tra”.

9. Thay cụm từ “Kính gửi: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” và thay cụm từ “Quý Bộ” bằng cụm từ “Quý Cơ quan” tại mẫu 01 Phụ lục 04, mẫu 02 Phụ lục 04 và Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

10. Thay thế Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bằng Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Sửa đổi, bổ sung mục 2 “Mặt trước thẻ” của Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

a) Sửa đổi dòng chữ “BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI” thành chữ in hoa thường;

b) Bổ sung dòng chữ “**TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**” bằng chữ in hoa đậm sau dòng chữ “BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI”.

12. Thay thế mẫu 03 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bằng Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp**

Các hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan thực hiện thủ tục hành chính tiếp nhận mà chưa được giải quyết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chính phủ;- Lãnh đạo BLĐTBXH;- Các đơn vị thuộc BLĐTBXH (Cục: ATLĐ, BTXH, VL; Tổng cục GDNN; VPB);- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (BTP);- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);- Website: Chính phủ, BLĐTBXH;- Công báo;- Lưu: VT, PC. | **BỘ TRƯỞNG****Đào Ngọc Dung** |

**Phụ lục 01**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …./2019/TT-BLĐTBXH ngày …. tháng …. năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG -THƯƠNG BINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **VÀ XÃ HỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: /BLĐTBXH-GCNHĐ *Hà Nội, ngày tháng năm 20* **GIẤY CHỨNG NHẬN****Hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia**Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chứng nhận:1. Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề (ghi bằng chữ in hoa): …………………………

Tên giao dịch tiếng quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):…………………………………..Thuộc:Địa chỉ trụ sở chính: …………………………………………………………………Điện thoại/Fax: ……………………………… Email: …………………………….Website: ……………………………………Quyết định thành lập số:…… ngày … tháng … năm ……. của …………(1) …………2. Đăng ký hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề theo các bậc trình độ kỹ năng sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên nghề | Bậc trình độ kỹ năng  |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| … |  |  |

 Tại địa điểm:…………………………………… (2) ………………………………………./.  (3)  (4)  (5)  |

 (1) Tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(2) Địa chỉ nơi thực hiện việc đánh giá kỹ nghề của người tham dự trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;

(3) Chức danh của người ký cấp giấy chứng nhận;

(4) Chữ ký và dấu của cơ quan của người ký cấp giấy chứng nhận;

(5) Họ và tên của người ký.

**Phụ lục 02**

**MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỐI, BỔ SUNG,**

 **CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …./2019/TT-BLĐTBXH ngày …. tháng …. năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

|  |  |
| --- | --- |
| …........ (1)........... |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ..........(2)......., *ngày*.....*tháng*....... *năm 20*...... |

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ THẺ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

 **TRỰC TIẾP LÀM VIỆC TẠI TỔ CHỨC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số****TT** | **Họ và tên** | **Chức danh** | **Số CCCD/ CMND/****Hộ chiếu** | **Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia** |
| **Mã số thẻ** (3) | **Nghề** **được phép đánh giá**(4) | **Bậc trình độ kỹ năng**  (5) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

Tổng số người có tên trong danh sách là ………. người./.

 (6)

(7)

(8)

(1) Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

(3) (4) (5) Theo mã số, nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá trong thẻ đánh giá viên của người được cấp thẻ;

 (6) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(7) Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(8) Họ và tên của người ký.